

Số: 1158/QĐ-UBND

Cần Thơ, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân
thành phố quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành các Luật**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản
quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP
ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện
pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy phạm
pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
các Luật.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tư
pháp, Thủ trưởng cơ quan, ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận,
huyện và cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này
kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tư pháp (Vụ các vấn đề chung XDPL);
- TT.TU; TT. HĐND TP;
- CT, PCT UBND TP;
- TT.HĐND, UBND quận, huyện;
- VP.UBND TP (2,3);
- Lưu: VT, P.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Ngọc Hà



ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC

**Văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân thành phố quy định chi tiết,
hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền các Luật**

(Kèm theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
1	Luật Nhà ở (sửa đổi)					
		Khoản 4 Điều 5	Đối với khu vực đô thị, việc phát triển nhà ở chủ yếu được thực hiện theo dự án, có các cơ cấu loại hình, diện tích nhà ở phù hợp với nhu cầu của thị trường. Đối với các khu vực còn lại thì căn cứ điều kiện cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể các địa điểm, vị trí phải phát triển nhà ở theo dự án. Tại đô thị loại I, tại các phường, quận, thành phố thuộc đô thị loại đặc biệt thì chủ yếu phát triển nhà chung cư.	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024
		Điểm c khoản 3 Điều 57	3. Cá nhân có quyền sử dụng đất ở theo quy định tại khoản 3 Điều 54 của Luật này xây dựng nhà ở có từ 02 tầng trở lên và có quy mô dưới 20 căn hộ mà tại mỗi tầng có thiết kế, xây dựng căn hộ để cho thuê thì phải thực hiện theo quy định sau đây: ... c) Đáp ứng điều kiện theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về đường giao thông để phương tiện chữa cháy thực hiện nhiệm vụ chữa cháy tại nơi có nhà ở nhiều tầng nhiều căn hộ của cá nhân.	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
		Khoản 3 Điều 83	Đối với các đô thị không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện của địa phương để quy định tiêu chí đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại mà chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại phải dành một phần diện tích đất ở trong dự án đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội hoặc bố trí quỹ đất nhà ở xã hội đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật ở vị trí khác ngoài phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại đô thị đó hoặc đóng tiền tương đương giá trị quỹ đất đã đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật để xây dựng nhà ở xã hội.	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024
		Khoản 3 khoản 5 Điều 87	3. Giá thuê nhà ở xã hội, bao gồm cả kinh phí bảo trì nhà ở, do chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội thỏa thuận với bên thuê theo khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. 5. Đối với nhà ở xã hội do cá nhân tự đầu tư xây dựng thì giá thuê nhà ở phải bảo đảm phù hợp với khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024
		Điều 99	Giá cho thuê nhà lưu trú công nhân trong khu công nghiệp do bên cho thuê thỏa thuận với bên thuê theo khung giá do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định.	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024
		Khoản 2 Điều 120	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định việc phối hợp cung cấp thông tin về nhà ở giữa cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận và cơ quan quản lý nhà ở tại địa phương để bảo đảm thống nhất về các thông tin nhà ở, đất ở ghi trong hồ sơ nhà ở.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024
		Khoản 7 Điều 151	7. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành khung giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư để áp dụng cho các trường hợp sau đây:	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành	Quý IV/2024

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
			<p>a) Thu kinh phí quản lý vận hành nhà chung cư thuộc tài sản công trên địa bàn;</p> <p>b) Làm cơ sở để các bên tham khảo khi thỏa thuận giá dịch vụ quản lý vận hành đối với nhà ở không thuộc tài sản công hoặc trong trường hợp có tranh chấp về giá dịch vụ giữa đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư với chủ sở hữu, người sử dụng nhà chung cư; trường hợp không thỏa thuận được giá dịch vụ quản lý vận hành nhà chung cư thì áp dụng mức giá trong khung giá dịch vụ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.</p>			
2	Luật Đất đai					
		Khoản 4 Điều 102	<p>Điều 102. Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.</p>	Sở Xây dựng	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý II/2024
		Khoản 4, 6 Điều 103	<p>Điều 103. Bồi thường đối với cây trồng, vật nuôi</p> <p>4. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế theo mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;</p> <p>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây</p>	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
			trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.			
		Khoản 2 Điều 104	Điều 104. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản khi Nhà nước thu hồi đất 2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Điểm b Khoản 4, Khoản 5 Điều 109	Điều 109. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất 4. Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ được quy định như sau: b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và điều kiện thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với từng đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại điểm c khoản này; 5. Mức hỗ trợ cụ thể tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 7, 10 Điều 111	Điều 111. Bố trí tái định cư 7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
			hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương. 10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quy định chi tiết về suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều này; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều này.			
		Điểm n khoản 1 Điều 137	Điều 137. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất có giấy tờ về quyền sử dụng đất n) Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tiễn của địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 4 Điều 139	Điều 139. Giải quyết đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;...	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 5 Điều 141	Điều 141. Xác định diện tích đất ở khi công nhận quyền sử dụng đất 5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
			khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;		huyện	
		Khoản 5 Điều 176	Điều 176. Hạn mức giao đất nông nghiệp 5. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 3 Điều 177	Điều 177. Hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 3 Điều 178	Điều 178. Đất nông nghiệp do cá nhân, cộng đồng dân cư sử dụng 3. Người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật này; được sử dụng một diện tích đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp, sản xuất nông nghiệp. Trường hợp sử dụng đất trồng lúa thì thực hiện theo quy định tại Điều 182 của Luật này.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 2 Điều 195	Điều 195. Đất ở tại nông thôn 2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025

TT	Tên Luật	Tên điều khoản	Nội dung giao quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành theo thẩm quyền	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian trình ban hành
					huyện	
		Khoản 2 Điều 196	Điều 196. Đất ở tại đô thị 2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 4 Điều 213	Điều 213. Đất tôn giáo 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025
		Khoản 4 Điều 220	Điều 220. Tách thửa đất, hợp thửa đất 4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân quận, huyện	Quý I/2025